

Số: **08** /2020/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày **13** tháng **9** năm 2020

THÔNG TƯ

**Ban hành Danh mục và Quy trình kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến
điện bắt buộc kiểm định**

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Viễn thông,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư Ban hành Danh mục và Quy trình kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này:

1. Danh mục thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định tại Phụ lục số 01;
2. Quy trình kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng tại Phụ lục số 02;
3. Quy trình kiểm định đài phát thanh, đài truyền hình tại Phụ lục số 03.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày **01** tháng **6** năm 2020 và bãi bỏ Thông tư số 17/2011/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định, Thông tư số 12/2017/TT-BTTTT ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 17/2011/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6

năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định, Thông tư số 18/2011/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy trình kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng và Thông tư số 14/2017/TT-BTTTT ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 18/2011/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy trình kiểm định trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng.

Điều 3. Cục trưởng Cục Viễn thông, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổ chức kiểm định, Người đứng đầu các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị trực thuộc, Cổng thông tin điện tử;
- Sở TTTT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Doanh nghiệp viễn thông;
- Lưu: VT, CVT (250).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng

PHỤ LỤC SỐ 01
DANH MỤC THIẾT BỊ VIỄN THÔNG, ĐÀI VÔ TUYẾN ĐIỆN
BẮT BUỘC KIỂM ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số **08**/2020/TT-BTTTT ngày **13** tháng **4** năm
2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Số TT	Tên thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện	Chu kỳ kiểm định (năm)	Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng
1.	Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng ⁽¹⁾	5 ⁽³⁾	QCVN 8:2010/BTTTT
2.	Đài phát thanh ⁽²⁾	5 ⁽³⁾	QCVN 78:2014/BTTTT
3.	Đài truyền hình ⁽²⁾	5 ⁽³⁾	QCVN 78:2014/BTTTT

Ghi chú:

- (1) Áp dụng đối với các trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng mà trong bán kính 100m (tính từ điểm bất kỳ nào thuộc chân cột anten của trạm gốc đó) có công trình xây dựng trong đó có người sinh sống, làm việc và có hiệu độ cao của mép dưới thấp nhất của các anten và độ cao tính tới nóc, mặt bằng cao nhất của các công trình xây dựng này nhỏ hơn 28 m.
- (2) Áp dụng đối với các đài phát thanh, đài truyền hình có công suất phát cực đại từ 150W trở lên.
- (3) Chu kỳ kiểm định được tính từ ngày cấp Giấy chứng nhận kiểm định.

PHỤ LỤC SỐ 02

QUY TRÌNH KIỂM ĐỊNH TRẠM GỐC ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG MẶT ĐẤT CÔNG CỘNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BTTTT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

1. Thuật ngữ và định nghĩa

Trong văn bản này sử dụng các thuật ngữ, định nghĩa sau:

1.1. Trạm gốc: là thuật ngữ viết tắt của trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng.

1.2. Kiểm định trạm gốc: là việc đo kiểm và thẩm định cấp Giấy chứng nhận kiểm định trạm gốc phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật. Việc kiểm định trạm gốc không thay thế và không làm giảm trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp đối với chất lượng, an toàn của trạm gốc theo quy định của pháp luật.

1.3. Trạm gốc bắt buộc kiểm định là trạm gốc thuộc “Danh mục thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định”.

1.4. Các trạm gốc lắp đặt tại cùng một vị trí: là các trạm gốc có các anten được lắp đặt trên cùng một cột anten hoặc lắp đặt trên cùng một công trình xây dựng.

1.5. Giới hạn an toàn: từ độ cao ghi tại Giấy chứng nhận kiểm định so với mặt đất trở lên trạm gốc không phải kiểm định lại khi có thay đổi một số thông số kỹ thuật theo quy định tại điểm c mục 3.3.

2. Quy định chung

2.1. Các trạm gốc lắp đặt tại cùng một vị trí có thể được cấp chung hoặc riêng Giấy chứng nhận kiểm định theo đề nghị của tổ chức, doanh nghiệp.

2.2. Mẫu danh sách trạm gốc đề nghị kiểm định kèm theo đơn đề nghị kiểm định trạm gốc tại mẫu 2.1 phụ lục 02.

2.3. Mẫu Giấy chứng nhận kiểm định trạm gốc tại mẫu 2.3 phụ lục 02.

2.4. Đối với trạm gốc không thuộc “Danh mục thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định”, doanh nghiệp phải tiến hành niêm yết tại vị trí dễ nhìn, bên ngoài nhà trạm lắp đặt trạm gốc bản công bố (theo mẫu 2.4 phụ lục 02) trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày trạm gốc được đưa vào sử dụng.

2.5. Trường hợp trạm gốc không thuộc “Danh mục thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định”, nhưng sau đó có sự thay đổi trở thành trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng thuộc “Danh mục thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định”, thì tổ chức, doanh nghiệp phải tiến hành kiểm định.

2.6. Khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp tiến hành kiểm định trạm gốc thông tin di động mặt đất công cộng không thuộc “Danh mục thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định” theo các quy định về kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện.

2.7. Trong vòng hai mươi (20) ngày đầu tiên hàng quý, doanh nghiệp phải báo cáo bằng văn bản hoặc trực tuyến đến tổ chức kiểm định danh sách các trạm gốc không thuộc “Danh mục thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định” đã lắp đặt và đã niêm yết bản công bố trong quý trước đó (theo mẫu 2.5 phụ lục 02).

2.8. Trong vòng mười (10) ngày đầu tiên hàng quý, tổ chức kiểm định tổng hợp, báo cáo bằng văn bản hoặc trực tuyến đến Cục Viễn thông danh sách các trạm gốc bắt buộc kiểm định được kiểm định trong quý trước đó (theo mẫu 2.6 phụ lục 02).

2.9. Đơn vị đo kiểm thực hiện cập nhật trực tuyến kết quả đo kiểm về cơ sở dữ liệu của Tổ chức kiểm định.

3. Hướng dẫn lập kết quả đo kiểm

3.1. Đơn vị đo kiểm thực hiện đo kiểm và lập kết quả đo kiểm theo mẫu 2.2 phụ lục 02.

3.2. Xác định vùng thâm nhập và lập các bản vẽ trong Kết quả đo kiểm.

a) Xác định vùng thâm nhập:

- Xác định vùng thâm nhập (là vùng người dân có thể tiếp cận).
- Trường hợp người dân có thể tiếp cận vào vùng liên quan thì phải tiến hành đo kiểm và không cần xác định giới hạn an toàn.
- Trường hợp người dân không thể tiếp cận đến vùng liên quan, thì xác định giới hạn an toàn.

b) Lập các bản vẽ kèm theo kết quả đo kiểm:

- Bản vẽ tổng thể nhìn từ trên xuống (phương nằm ngang).
- Bản vẽ riêng cho từng anten theo phương thẳng đứng.